

Số: 116 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 18 tháng 9 năm 2019

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Trung ương
thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cà Mau năm 2019
và năm 2018 chuyển sang năm 2019**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Trung ương (NSTW) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ Tám (bất thường) thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 02/4/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định giao kế hoạch vốn chi tiết cho từng danh mục dự án (tại Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau).

Trong quá trình triển khai thực hiện, theo báo cáo của các chủ đầu tư, một số dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và một số dự án đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện; trong khi đó, một số dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn trong chuẩn bị mặt bằng, điều chỉnh phương án thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế, nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí. Đồng thời, một số dự án thực hiện lồng ghép với các dự án khác trên địa bàn, nên không sử dụng hết kế hoạch vốn đã bố trí và có đề nghị điều chỉnh giảm một phần kế hoạch vốn đã bố trí để bổ sung cho dự án khác.

Do đó, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Để tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Chủ đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết, sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan; kết quả có 12/12 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, có một số ý kiến đóng góp liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn đã bố trí và đã hoàn chỉnh dự thảo các văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung Tờ trình và Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019, có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019 thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án thuộc xã đặc biệt khó khăn, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

Trên cơ sở nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch vốn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019 như sau:

2.1. Điều chỉnh phân bổ dự toán (nguồn vốn sự nghiệp) chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (XDNTM) tỉnh Cà Mau năm 2019 là 1.510,4 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Phân bổ dự toán chi NSTW cho Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ XDNTM các cấp (theo quyết định 4072/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/10/2016 của Bộ NN&PTNT; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 289/BNV-ĐT ngày 14/8/2018 của Bộ Nội vụ) 1.210 triệu đồng:

- Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 70 triệu đồng từ công tác Bồi dưỡng, tập huấn CTMTQG XDNTM (giai đoạn 2016 - 2020) cho Ban Chỉ đạo và cán bộ giúp cho Ban Chỉ đạo các cấp do Trung ương tổ chức, để bổ sung (kế hoạch vốn 70 triệu đồng) cho công tác Bồi dưỡng, tập huấn Chương trình MTQG XDNTM (giai đoạn 2016 - 2020) thực hiện bộ tiêu chí mới nâng cao và kiểu mẫu cho cán bộ quản lý và điều hành cấp xã, các ban phát triển ấp và đối tượng khác theo quy định.

- Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 311,4 triệu đồng từ công tác Hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2019 trong xây dựng nông thôn mới, để bổ sung (kế hoạch vốn 311,4 triệu đồng) cho công tác Hỗ trợ, duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn các xã thuộc các huyện, thành phố Cà Mau mỗi huyện, thành phố Cà Mau 34,6 triệu đồng.

b) Phân bổ dự toán chi NSTW cho Hoạt động truyền thông, thông tin, tuyên truyền Chương trình MTQG XDNTM cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định 3670/QĐ-BNN-VPĐP ngày 07/9/2016 của Bộ NN&PTNT) 1.200 triệu đồng. Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 129 triệu đồng, để phân bổ (kế hoạch vốn 129 triệu đồng) cho công tác Tuyên truyền trực quang xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau (xã do thành phố Cà Mau chọn phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019).

c) Phân bổ dự toán chi NSTW cho Hỗ trợ thực hiện mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 về phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong XDNTM tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 – 2020) 1.000 triệu đồng. Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1.000 triệu đồng, để phân bổ (kế hoạch vốn 1.000 triệu đồng) sang thực hiện Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

(Như phụ biểu số 01 kèm theo).

2.2. Điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (GNBV) tỉnh Cà Mau năm 2019, cụ thể như sau:

a) Phân bổ dự toán (nguồn vốn sự nghiệp) chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG GNBV tỉnh Cà Mau năm 2019 đối với Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (của Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 1 - Chương trình 30a) 1.486 triệu đồng. Đề xuất điều chỉnh giảm 750 triệu đồng, chuyển sang thực hiện Nhân rộng mô hình giảm nghèo (thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn ngoài chương trình 30a và chương trình 135) cho mỗi xã 250 triệu đồng, gồm: Xã Tân Phú, huyện Thới Bình; xã Trần Thới, huyện Cái Nước và xã Phú Thuận, huyện Phú Tân (03 xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới năm 2019).

b) Phân bổ dự toán (nguồn vốn đầu tư phát triển) dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG GNBV tỉnh Cà Mau năm 2019 đối với Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 2 Chương trình 135) cho huyện Đầm Dơi là 9.189 triệu đồng. Đề xuất điều chỉnh phân bổ 4.589 triệu đồng đối với xã Ngọc Chánh và xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, cụ thể như sau:

- Đối với xã Ngọc Chánh: Kế hoạch vốn năm 2019 đã bố trí cho xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi 2.339 triệu đồng, hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn Đồng Gò - Xóm Lá, ấp Tân Ngọc Đông và ấp Tân Ngọc. Tuy nhiên, Danh mục đường giao thông nông thôn Đồng Gò - Xóm Lá trùng với tuyến đê bao chống tràn phục vụ sản xuất đã được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, phần vốn do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý thực hiện (tại Công văn số 9751/UBND-XD

ngày 16/12/2018) nên đề xuất phân bổ, điều chỉnh (kế hoạch vốn 2.339 triệu đồng) sang 06 tuyến khác trên địa bàn các ấp khác thuộc xã Ngọc Chánh, vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống.

- Đối với xã Thanh Tùng: Kế hoạch vốn năm 2019 đã bố trí cho xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi 2.250 triệu đồng, hỗ trợ xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn ấp Tân Điền B. Theo báo cáo của địa phương, do nền hạ thực tế của tuyến không đảm bảo để thực hiện lộ giao thông nông thôn với quy mô rộng 2,5m nên đề xuất phân bổ, điều chỉnh sang thực hiện đầu tư tuyến đường rộng 1,5m theo thực tế của tuyến đề và phần vốn còn lại thực hiện 03 tuyến khác trên địa bàn các ấp khác thuộc xã Thanh Tùng, vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống.

(Như phụ biểu số 02 kèm theo).

2.3. Điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG GNBV tỉnh Cà Mau năm 2018 chuyển sang năm 2019, cụ thể như sau:

Việc phân khai kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG GNBV tỉnh Cà Mau năm 2018 được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất (tại Công văn số 52/HĐND-TT ngày 19/3/2018) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phân khai kế hoạch vốn (tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 10/4/2018). Theo đó, nguồn vốn sự nghiệp năm 2018, Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (thuộc Tiểu dự án 4 – Dự án 1 Chương trình 30a) và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019 (tại Công văn số 2375/UBND-KT ngày 08/4/2019) 905,7 triệu đồng.

Đề xuất điều chỉnh giảm 250 triệu đồng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG GNBV tỉnh Cà Mau năm 2018 chuyển sang năm 2019, đối với nguồn vốn sự nghiệp Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (thuộc Tiểu dự án 4 – Dự án 1 Chương trình 30a) phân bổ sang thực hiện dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo (thuộc Tiểu dự án 2 – Dự án 2 Chương trình 135) tại xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau (xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới).

(Như phụ biểu số 03 kèm theo).

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (sau Hội nghị thẩm tra)/.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, Tư pháp (VIC);
- Phòng TH (Đa07);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



Phụ biểu số 01


**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH CÀ MAU NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số 116 /Tr-UBND ngày 18/19/2019 của UBND tỉnh Cà Mau)

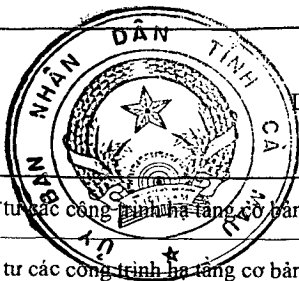
Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (A + B)	131.100			131.100		
A	VỐN SỰ NGHIỆP	32.100	1.510,4	1.510,4	32.100		
I	Chi phí điều hành, hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM các cấp	1.540			1.540		
1	Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh	300			300	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
2	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG TP. Cà Mau	100			100	UBND TP. Cà Mau	
3	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện U Minh	100			100	UBND huyện U Minh	
4	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Trần Văn Thời	120			120	UBND huyện Trần Văn Thời	
5	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Thới Bình (Quyết định số: 667/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 v/v chọn huyện Thới Bình là huyện điểm xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 v/v phê duyệt Đề án xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới)	150			150	UBND huyện Thới Bình	
6	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Cái Nước	100			100	UBND huyện Cái Nước	
7	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Đầm Dơi	120			120	UBND huyện Đầm Dơi	
8	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Phú Tân	100			100	UBND huyện Phú Tân	
9	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Ngọc Hiển	100			100	UBND huyện Ngọc Hiển	
10	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Năm Căn	100			100	UBND huyện Năm Căn	
11	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG các xã tỉnh chọn chỉ đạo đạt chuẩn XDNTM năm 2019	250			250		
11.1	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	50			50	UBND xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	
11.2	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Tân Phú, huyện Thới Bình	50			50	UBND xã Tân Phú, huyện Thới Bình	
11.3	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Trần Thới, huyện Cái Nước	50			50	UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
11.4	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	50			50	UBND xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	
11.5	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	50			50	UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	
II	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	200			200	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
III	Các hoạt động học tập trao đổi kinh nghiệm thực tế và phổ biến mô hình kế hoạch nâng cao chất lượng xã NTM, xã NTM kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn NTM ngoài tỉnh	100			100	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
IV	Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ XDNTM các cấp (theo Quyết định 4072/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/10/2016 của Bộ NN&PTNT); đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã (theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 3899/BNV-ĐT ngày 14/8/2018 của Bộ Nội vụ)	1.210	70	381,4	898,6		
1	Bồi dưỡng, tập huấn CTMTQG XDNTM (giai đoạn 2016-2020) cho Ban Chỉ đạo và cán bộ giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp do Trung ương tổ chức	100		70	30	VPĐP các CTMTQG tỉnh	Do trong năm chỉ tổ chức 01 cuộc tại tỉnh Cần Thơ cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và huyện dự
2	Bồi dưỡng, tập huấn CTMTQG XDNTM (giai đoạn 2016-2020) thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu cho cán bộ quản lý và điều hành cấp xã, các ban phát triển ấp và các đối tượng khác theo quy định	500	70		570	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
3	Hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2019 trong xây dựng nông thôn mới	610		311,4	298,6	Sở Nội vụ	Do cán bộ công chức xã tham gia lớp QLNN đã có trong chỉ tiêu 121 học viên của Trường Chính trị
V	Hoạt động truyền thông, thông tin, tuyên truyền CTMTQG XDNTM cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Theo Quyết định 3670/QĐ-BNN-VPĐP ngày 07/9/2016 của Bộ NN&PTNT)	1.200	129	129	1.200		
1	Xây dựng 10 cụm pa nô kích thước: 3m x 4m tuyên truyền trực quan về CTMTQG XDNTM tại 05 xã Kế hoạch năm 2019	350		85,2	264,8	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
2	Xây dựng 10 công chào 02 mặt tuyên truyền trực quan về CTMTQG XDNTM gắn với phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc khu vực nông thôn tại 05 xã tinh chọn chỉ đạo đạt chuẩn XDNTM năm 2019	600		43,8	556,2	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
3	Các loại tài liệu tuyên truyền về CTMTQG XDNTM giai đoạn 2016-2020	250			250	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
4	Tuyên truyền trực quan cho xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau (xã do thành phố Cà Mau chọn phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019)		129		129	VPĐP các CTMTQG tỉnh	xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019
VI	Truyền thông, tuyên truyền chương trình mỗi xã một sản phẩm (theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Kế hoạch Truyền thông, tuyên truyền Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau)	570			570	VPĐP các CTMTQG tỉnh	


STT	 Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	Pa nô tuyến tuyến tại trung tâm các huyện, TP. Cà Mau	270			270		
2	In ấn áp phích đồ rơi tuyến tuyến Chương trình OCOP	300			300		
VII	Hỗ trợ các hoạt động lồng ghép thông tin và tuyên truyền của các Sở, Ban, ngành về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	1.730			1.730		
1	Hỗ trợ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức các hoạt động và tuyên truyền liên hoan văn hóa, thể thao các xã nông thôn mới đến năm 2019	750			750		
1.1	Thông tin cổ động tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới cho các xã nông thôn mới và lồng ghép tuyên truyền OCOP	200			200	Trung Tâm Văn hóa Thông tin (Sở VH, TT & DL)	
1.2	Tổ chức các hoạt động thể thao các xã nông thôn mới	200			200	Trung tâm thi đấu và huấn luyện thể thao (Sở VH, TT & DL)	
1.3	Hỗ trợ bổ sung các loại sách cho kho luân chuyển Thư viện tỉnh phục vụ các xã NTM	150			150	Thư viện tỉnh (Sở VH, TT & DL)	
1.4	Khảo sát xây dựng mô hình và hỗ trợ cộng đồng "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới" (theo Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 11/01/2019 của Văn phòng Chính phủ)	200			200	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
2	Hỗ trợ Đài phát thanh và Truyền hình thực hiện chuyên mục "Đồng hành cùng nông thôn mới" thường kỳ trên sóng phát thanh	200			200	Đài Phát thanh-Truyền hình Cà Mau	
3	Hỗ trợ Đài phát thanh và Truyền hình thực hiện "Chuyên mục nông thôn mới" phát 2 kỳ/tháng	100			100	Đài Phát thanh-Truyền hình Cà Mau	
4	Hỗ trợ Báo Cà Mau xây dựng chuyên trang tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	70			70	Báo Cà Mau	
5	Hỗ trợ báo Đất Mũi xây dựng chuyên trang tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	50			50	Báo ảnh Đất Mũi	
6	Hỗ trợ Công thông tin điện tử - Văn phòng UBND tỉnh tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	30			30	Văn phòng UBND tỉnh	
7	Hỗ trợ tuyên truyền về CTMT quốc gia XDNTM trên trang thông tin nội bộ sinh hoạt chi bộ hàng tháng	30			30	Phòng Thông tin công tác Tuyên Giáo (Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy)	
8	Hỗ trợ công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (theo Công văn số 3456/UBND-KT ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh)	100			100	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
9	Hỗ trợ công tác tuyên truyền và phát động phong trào "Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới" theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)	100			100	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	
10	Hỗ trợ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	300			300	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
VIII	Hỗ trợ cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện Đề án dạy nghề cho Lao động nông thôn năm 2019	12.200			12.200	Sở Lao động Thương Binh và Xã hội	
IX	Hỗ trợ phát triển sản xuất	2.000			2.000		
1	Mô hình hỗ trợ thiết bị và triển khai nhân rộng nuôi tôm sú quảng canh cải tiến 2 giai đoạn	2.000			2.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
X	Hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn các xã	10.350	311,4		10.661,4		

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	Thành phố Cà Mau	1.150	34,6		1.184,6	UBND các huyện, thành phố Cà Mau đề xuất, lựa chọn danh mục công trình, hiệp y với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện.	Phân bổ cho mỗi huyện, TP 34,6 triệu đồng.
2	Huyện U Minh	1.150	34,6		1.184,6		
3	Huyện Thới Bình	1.150	34,6		1.184,6		
4	Huyện Trần Văn Thời	1.150	34,6		1.184,6		
5	Huyện Đầm Dơi	1.150	34,6		1.184,6		
6	Huyện Cái Nước	1.150	34,6		1.184,6		
7	Huyện Phú Tân	1.150	34,6		1.184,6		
8	Huyện Năm Căn	1.150	34,6		1.184,6		
9	Huyện Ngọc Hiển	1.150	34,6		1.184,6		
XI	Hỗ trợ thực hiện mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 về phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong XDNTM tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017-2020)	1.000		1.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	Do không có doanh nghiệp tham gia theo quy định tại QĐ 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017
XII	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh		1.000		1.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	99.000			99.000		
I	Hỗ trợ 05 xã tinh chọn chỉ đạo đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019	20.000			20.000		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Hoà Thành	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Phú, huyện Thới Bình	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Phú	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Trần Thới, huyện Cái Nước	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Trần Thới	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Lợi An	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Thuận	
II	Hỗ trợ thực hiện Đề án xây dựng huyện Thới Bình đạt chuẩn huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 và Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	10.000			10.000	UBND huyện Thới Bình phân khai danh mục công trình, hiệp y với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện	
III	Hỗ trợ II xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	19.690			19.690		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Tiến, huyện U Minh	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Tiến	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hội, huyện U Minh	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Hội	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Tây	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Ân	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Viên An	



STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình Tây	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Đông	
9	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thuận	
10	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Huân	
11	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Việt Khái	
IV	Hỗ trợ 08 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 (theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	14.312			14.312		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM Xã Khánh Hưng	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hòa, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Hòa	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Thuận, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Thuận	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Phích	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Lâm, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Lâm	
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Thanh Tùng	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Quách Phẩm Bắc	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Ngọc Chánh	
V	Hỗ trợ thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo	19.800			19.800		
1	Hỗ trợ theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo XDNTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020	14.240			14.240		
1.1	Hỗ trợ 12 ấp. xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	3.100			3.100	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thuận	
1.2	Hỗ trợ 14 ấp. xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	3.600			3.600	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Tây	
1.3	Hỗ trợ 18 ấp. xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	4.600			4.600	Ban Quản lý XDNTM xã Viên An	
1.4	Hỗ trợ 5 ấp. xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	1.300			1.300	Ban Quản lý XDNTM xã Tân An	
1.5	Hỗ trợ 6 ấp. xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.640			1.640	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Đông	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
2	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ (chỉ hỗ trợ những công trình tác động trực tiếp vào sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của hợp tác xã)	4.000			4.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phân khai, trình UBND tỉnh quyết định	
3	Dự án Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo thuộc Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 – 2020 (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4275/QĐ-BNN-VPĐP ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	1.560			1.560	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
VI	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn xã NTM đến năm 2018 để tiếp tục nâng cao tiêu chí và đạt chuẩn bền vững; các xã kế hoạch 2018 và xã Rạch Chèo dự kiến đạt chuẩn XDNTM 2019 (trừ xã Khánh Hòa, huyện U Minh đã được hỗ trợ theo đối tượng xã đặt biệt khó khăn tại mục IV)	15.198			15.198		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Thành, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thành	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã An Xuyên, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã An Xuyên	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tắc Vân, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tắc Vân	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Lý Văn Lâm	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tri Phải, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tri Lực	
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tri Lực, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tri Lực	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Dân	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tạ An Khương Nam	
9	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hàng Vĩnh	
10	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hàng Rông, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hàng Rông	
11	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Hưng	
12	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hưng Mỹ	
13	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh An, huyện U Minh	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh An	
14	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Lộc	
15	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình	
16	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Trần Hợi	
17	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Hưng Tây	
18	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Mỹ	
19	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Hải	
20	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Việt Thắng	

STT	 Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
21	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Biển Bạch Đông	
22	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc	
23	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tạ An Khương	
24	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Ân Tây	
25	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hiệp Tùng	
26	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hòa Mỹ	
27	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Định Bình, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Định Bình	
28	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Bằng, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Bằng	
29	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc Đông	
30	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc Bắc	
31	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hồ Thị Kỳ	
32	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Đất Mũi	
33	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Thạnh Phú	
34	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Rạch Chèo	





Phụ biểu số 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH CÀ MAU NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 16/TT-UBND ngày 1/8/2019 của UBND tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	55.310	35.492	4.000	15.818	4.589	750	4.589	750	55.310	35.492	4.000	15.818		
I	Dự án 1: Chương trình 30a	23.982	13.343	4.000	6.639		750		750	23.982	13.343	4.000	6.639		
1.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	18.112	13.343	4.000	769					18.112	13.343	4.000	769	<i>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
1.1.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	17.343	13.343	4.000						17.343	13.343	4.000		<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiên, huyện U Minh	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Khánh Tiên	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tân Thuận	
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Nguyễn Huân	
5	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Nguyễn Việt Khái	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tân Ân	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tam Giang Tây	
1.1.2	Duy tu, bảo dưỡng	769			769					769			769	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	69			69					69			69	UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiên, huyện U Minh	70			70					70			70	UBND xã Khánh Tiên	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	70			70					70			70	UBND xã Tân Thuận	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	70			70					70			70	UBND xã Nguyễn Huân	
5	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	70			70					70			70	UBND xã Nguyễn Việt Khái	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	70			70					70			70	UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	70			70					70			70	UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	70			70					70			70	UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Tân Ân	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Tam Giang Tây	
1.2	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</i>	3.479			3.479					3.479			3.479	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung</i>	
1.2.1	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế</i>	2.783			2.783					2.783			2.783	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	253			253					253			253	UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	253			253					253			253	UBND xã Khánh Tiến	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	253			253					253			253	UBND xã Tân Thuận	
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	253			253					253			253	UBND xã Nguyễn Huân	
5	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	253			253					253			253	UBND xã Nguyễn Việt Khái	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	253			253					253			253	UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	253			253					253			253	UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	253			253					253			253	UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Tân Ân	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Tam Giang Tây	
1.2.2	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>	696			696					696			696	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Lao động Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
1	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	232			232					232			232	UBND xã Khánh Bình Tây	
2	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	232			232					232			232	UBND xã Tam Giang Đông	
3	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	232			232					232			232	UBND xã Viên An	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
1.3	Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	1.486			1.486				750	736			736	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý	Không có đối tượng hỗ trợ tại 11 xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển và hải đảo
II	Dự án 2: Chương trình 135	29.542	22.149		7.393	4.589	4.589			29.542	22.149		7.393		
II.1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã, ấp đặc biệt khó khăn	23.623	22.149		1.474	4.589	4.589			23.623	22.149		1.474	Ban Dân tộc là cơ quan quản lý	
II.1.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	22.149	22.149			4.589	4.589			22.149	22.149			Hỗ trợ ngân sách huyện	
*	Huyện Trần Văn Thời	3.700	3.700							3.700	3.700				
1	Xã Khánh Hưng	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Hưng	
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	180	180							180	180			UBND xã Lợi An	
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trơi B)	1.620	1.620							1.620	1.620			UBND xã Khánh Bình Đông	
	Trong đó: Ấp 6	720	720							720	720			Hỗ trợ XD tuyến đường GTNT Xóm Vườn (Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)	
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cơi 5A, Cơi 5B, Cơi Tư và Đá Bạc A)	720	720							720	720			UBND xã Khánh Bình Tây	
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	180	180							180	180			UBND xã Khánh Hải	
*	Huyện U Minh	4.900	4.900							4.900	4.900				
1	Xã Khánh Hòa	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Hòa	
2	Xã Khánh Lâm	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Lâm	
3	Xã Khánh Thuận	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Thuận	
4	Xã Nguyễn Phích	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Nguyễn Phích	
5	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	360	360							360	360			UBND xã Khánh Tiến	
6	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6 và 9)	540	540							540	540			UBND xã Khánh Hội	
*	Huyện Đầm Dơi	9.189	9.189			4.589	4.589			9.189	9.189				
1	Xã Ngọc Chánh	2.339	2.339			2.339	2.339			2.339	2.339			UBND xã Ngọc Chánh	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
	- Xã Ngọc Chánh (Hỗ trợ XD tuyến đường GTTN Đồng Gò - Xóm Lá, ấp Tân Ngọc Đông và ấp Tân Ngọc - Công trình bức xúc vùng DTTS)	2.339	2.339					2.339		0	0		Do trùng với tuyến đề chống tràn phục vụ sản xuất (CV9751/UBND ngày 16/12/2018)		
	- Đối ứng xây dựng cầu GNTN Lâm Trung Thiên				60					60	60				
	- Lộ GTNT tuyến Đồng Gò 3, ấp Tân Ngọc Đông (điểm đầu từ phân đất ông Nguyễn Văn Nhu)				723					723	723				
	- Lộ GTNT tuyến Đồng Gò 2, ấp Tân Ngọc Đông (điểm đầu từ phân đất ông Đỗ Văn Út)				397					397	397		Vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống		
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Lãm (đoạn 5), ấp Hiệp Hòa Tây (điểm đầu từ phân đất ông Đoàn Văn Tường)				327					327	327				
	- Lộ GTNT tuyến Ba Dầy, ấp Hiệp Hòa (điểm đầu từ phân đất ông Trần Khánh Linh)				451					451	451				
	- Lộ GTNT tuyến Ba Dầy, ấp Nam Chánh (điểm đầu từ phân đất ông Lê Việt Bắc)				381					381	381				
2	Xã Quách Phẩm Bắc	1.000	1.000							1.000	1.000		UBND xã Quách Phẩm Bắc		
3	Xã Thanh Tùng	2.250	2.250		2.250		2.250			2.250	2.250		UBND xã Thanh Tùng		
	- Xã Thanh Tùng (Hỗ trợ XD đường GTTN ấp Tân Điền B - Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)	2.250	2.250				2.250			0	0		Do nền hạ thực tế của tuyến đường không đảm bảo xây dựng lộ với quy mô rộng 2,5m		
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Mới (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Ý đến hộ Huỳnh Thanh Hòa), ấp Phú Hiệp A				552					552	552				
	- Lộ GTNT tuyến Cây Nở (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Thắng đến hộ Đoàn Văn Cường), ấp Thanh Tùng				546					546	546		Vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống		
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Lô Ba (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Tư đến hộ Nguyễn Ngọc Sương), ấp Thanh Tùng				347					347	347				
	- Lộ GTNT tuyến Biện Gấm (đoạn từ hộ Ngô Văn Xóm đến cuối kênh), ấp Tân Điền B				805					805	805				
4	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	540	540							540	540		UBND xã Tạ An Khương Đông		
5	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đồng Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thanh và Thuận Lợi B)	720	720							720	720		UBND xã Tân Thuận		



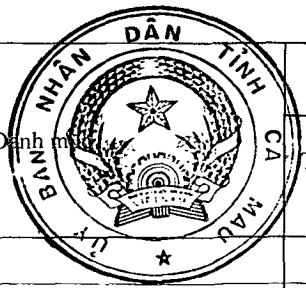
STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT				Vốn SN
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
6	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: Thuận Long A)	180	180						180	180			UBND xã Tân Tiến		
7	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bảo Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	540	540						540	540			UBND xã Trần Phán		
8	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bá Huệ, Đồng Tâm A, Đồng Tâm B và Tân Điền)	720	720						720	720			UBND xã Tân Duyệt		
9	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	360	360						360	360			UBND xã Quách Phẩm		
10	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	540	540						540	540			UBND xã Nguyễn Huân		
*	Huyện Ngọc Hiển	1.260	1.260						1.260	1.260					
11	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cải Mồi)	180	180						180	180			UBND xã Đất Mũi		
12	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biên, Xèo Bè và Kinh Năm)	540	540						540	540			UBND xã Viên An		
13	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Diệu và Dinh Hạn)	540	540						540	540			UBND xã Tân Ân		
*	Huyện Thới Bình	1.540	1.540						1.540	1.540					
14	Xã Biên Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	180	180						180	180			UBND xã Biên Bạch		
15	Xã Hồ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	180	180						180	180			UBND xã Hồ Thị Kỳ		
16	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	820	820						820	820			UBND xã Tân Lộc Bắc		
	Trong đó: Ấp 7	640	640						640	640			Hỗ trợ XD tuyến đường GTNT Cây Mướp (Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)		
17	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Dầu Nai)	180	180						180	180			UBND xã Tân Phú		
18	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	180	180						180	180			UBND xã Thới Bình		
*	Huyện Năm Căn	180	180						180	180					
19	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bó Hu)	180	180						180	180			UBND xã Tam Giang Đông		
*	Huyện Cái Nước	180	180						180	180					
20	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh Tư)	180	180						180	180			UBND xã Đông Thới		
*	Huyện Phú Tân	1.200	1.200						1.200	1.200					

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
21	Xã Nguyễn Việt Khải (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đồi Nhỏ, Cái Đồi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Công)	1.200	1.200						1.200	1.200			UBND xã Việt Khải		
	<i>Trong đó: Hỗ trợ XD hạng mục Sân trước Salatel ấp Gò Công</i>	300	300						300	300			<i>Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS</i>		
II.1.2	<i>Hỗ trợ duy tu bảo dưỡng</i>	<i>1.474</i>		<i>1.474</i>					<i>1.474</i>			<i>1.474</i>	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>		
*	Huyện Trần Văn Thời	264		264					264			264			
1	Xã Khánh Hưng	72		72					72			72	UBND xã Khánh Hưng		
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	16		16					16			16	UBND xã Lợi An		
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trôi B)	96		96					96			96	UBND xã Khánh Bình Đông		
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Côi 5A, Côi 5B, Côi Tư và Đá Bạc A)	64		64					64			64	UBND xã Khánh Bình Tây		
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	16		16					16			16	UBND xã Khánh Hải		
*	Huyện U Minh	360		360					360			360			
1	Xã Khánh Hòa	70		70					70			70	UBND xã Khánh Hòa		
2	Xã Khánh Lâm	70		70					70			70	UBND xã Khánh Lâm		
3	Xã Khánh Thuận	70		70					70			70	UBND xã Khánh Thuận		
4	Xã Nguyễn Phích	70		70					70			70	UBND xã Nguyễn Phích		
5	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	32		32					32			32	UBND xã Khánh Tiến		
6	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6 và 9)	48		48					48			48	UBND xã Khánh Hội		
*	Huyện Đầm Dơi	530		530					530			530			
1	Xã Ngọc Chánh	70		70					70			70	UBND xã Ngọc Chánh		
2	Xã Quách Phẩm Bắc	70		70					70			70	UBND xã Quách Phẩm Bắc		
3	Xã Thanh Tùng	70		70					70			70	UBND xã Thanh Tùng		
4	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	48		48					48			48	UBND xã Tạ An Khương Đông		



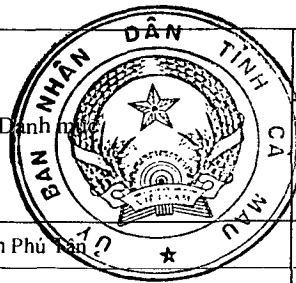
STT		Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
5	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đông Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thanh và Thuận Lợi B)	64			64					64			64	UBND xã Tân Thuận	
6	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn ấp Thuận Long A)	16			16					16			16	UBND xã Tân Tiến	
7	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bảo Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	48			48					48			48	UBND xã Trần Phán	
8	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bá Huê, Đồng Tâm A, Đồng Tâm B và Tân Điền)	64			64					64			64	UBND xã Tân Duyệt	
9	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	32			32					32			32	UBND xã Quách Phẩm	
10	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	48			48					48			48	UBND xã Nguyễn Huân	
*	Huyện Ngọc Hiến	112			112					112			112		
11	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cái Mồi)	16			16					16			16	UBND xã Đất Mũi	
12	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biên, Xẻo Bè và Kinh Năm)	48			48					48			48	UBND xã Viên An	
13	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Diệu và Đình Hạn)	48			48					48			48	UBND xã Tân Ân	
*	Huyện Thới Bình	96			96					96			96		
14	Xã Biển Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	16			16					16			16	UBND xã Biển Bạch	
15	Xã Hồ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	16			16					16			16	UBND xã Hồ Thị Kỳ	
16	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	32			32					32			32	UBND xã Tân Lộc Bắc	
17	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Dầu Nai)	16			16					16			16	UBND xã Tân Phú	
18	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	16			16					16			16	UBND xã Thới Bình	
*	Huyện Năm Căn	16			16					16			16		
19	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bò Hù)	16			16					16			16	UBND xã Tam Giang Đông	
*	Huyện Cái Nước	16			16					16			16		

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT				Vốn SN
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
20	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh Tư)	16			16					16			16	UBND xã Đông Thới	
*	Huyện Phú Tân	80			80					80			80		
21	Xã Nguyễn Việt Khái (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đồi Nhỏ, Cái Đồi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Công)	80			80					80			80	UBND xã Việt Khái	
II.2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn chương trình 135</i>	5.166			5.166					5.166			5.166	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung</i>	
II.2.1	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế</i>	4.133			4.133					4.133			4.133	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý</i>	
*	Huyện Trần Văn Thời	710			710					710			710	Hỗ trợ ngân sách huyện	
1	Xã Khánh Hưng	230			230					230			230	UBND xã Khánh Hưng	
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	40			40					40			40	UBND xã Lợi An	
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trơi B)	240			240					240			240	UBND xã Khánh Bình Đông	
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cờ 5A, Cờ 5B, Cờ Tư và Đá Bạc A)	160			160					160			160	UBND xã Khánh Bình Tây	
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	40			40					40			40	UBND xã Khánh Hải	
*	Huyện U Minh	1.133			1.133					1.133			1.133	Hỗ trợ ngân sách huyện	
6	Xã Khánh Hòa	230			230					230			230	UBND xã Khánh Hòa	
7	Xã Khánh Lâm	243			243					243			243	UBND xã Khánh Lâm	
8	Xã Khánh Thuận	230			230					230			230	UBND xã Khánh Thuận	
9	Xã Nguyễn Phích	230			230					230			230	UBND xã Nguyễn Phích	
10	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	80			80					80			80	UBND xã Khánh Tiến	
11	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6, và 9)	120			120					120			120	UBND xã Khánh Hội	
*	Huyện Đầm Dơi	1.490			1.490					1.490			1.490	Hỗ trợ ngân sách huyện	
12	Xã Ngọc Chánh	230			230					230			230	UBND xã Ngọc Chánh	
13	Xã Quách Phẩm Bắc	230			230					230			230	UBND xã Quách Phẩm Bắc	



STT	Đánh m	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT				Vốn SN
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
14	Xã Thanh Tùng	230			230					230			230	UBND xã Thanh Tùng	
15	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	120			120					120			120	UBND xã Tạ An Khương Đông	
16	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đồng Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thanh và Thuận Lợi B)	160			160					160			160	UBND xã Tân Thuận	
17	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn ấp Thuận Long A)	40			40					40			40	UBND xã Tân Tiến	
18	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bào Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	120			120					120			120	UBND xã Trần Phán	
19	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bá Huê, Đồng Tâm A, Đồng Tâm B và Tân Điền)	160			160					160			160	UBND xã Tân Duyệt	
20	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	80			80					80			80	UBND xã Quách Phẩm	
21	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	120			120					120			120	UBND xã Nguyễn Huân	
*	Huyện Ngọc Hiển	280			280					280			280	Hỗ trợ ngân sách huyện	
22	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cái Mồi)	40			40					40			40	UBND xã Đất Mũi	
23	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biên, Xéo Bè và Kinh Năm)	120			120					120			120	UBND xã Viên An	
24	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Diệu và Dinh Hạn)	120			120					120			120	UBND xã Tân Ân	
*	Huyện Thới Bình	240			240					240			240	Hỗ trợ ngân sách huyện	
25	Xã Biển Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	40			40					40			40	UBND xã Biển Bạch	
26	Xã Hồ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	40			40					40			40	UBND xã Hồ Thị Kỳ	
27	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	80			80					80			80	UBND xã Tân Lộc Bắc	
28	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Đầu Nai)	40			40					40			40	UBND xã Tân Phú	
29	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	40			40					40			40	UBND xã Thới Bình	
*	Huyện Năm Căn	40			40					40			40	Hỗ trợ ngân sách huyện	
30	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bò Hủ)	40			40					40			40	UBND xã Tam Giang Đông	
*	Huyện Cái Nước	40			40					40			40	Hỗ trợ ngân sách huyện	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
31	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh Tư)	40			40					40			40	UBND xã Đông Thới	
*	Huyện Phú Tân	200			200					200			200	Hỗ trợ ngân sách huyện	
32	Xã Nguyễn Việt Khải (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đồi Nhỏ, Cái Đồi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Công)	200			200					200			200	UBND xã Nguyễn Việt Khải	
II.2.2	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>	1.033			1.033					1.033			1.033	<i>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
*	Huyện U Minh	517			517					517			517	Hỗ trợ ngân sách huyện	
1	Xã Khánh Thuận	258			258					258			258	UBND xã Khánh Thuận	
2	Xã Khánh Lâm (tiếp tục hỗ trợ do tỷ lệ hộ nghèo còn cao)	259			259					259			259	UBND xã Khánh Lâm	
*	Huyện Đầm Dơi	516			516					516			516	Hỗ trợ ngân sách huyện	
1	Xã Thanh Tùng (tiếp tục hỗ trợ do tỷ lệ hộ nghèo còn cao)	258			258					258			258	UBND xã Thanh Tùng	
2	Xã Quách Phẩm Bắc	258			258					258			258	UBND xã Quách Phẩm Bắc	
II.3	<i>Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở</i>	753			753					753			753	<i>Ban Dân tộc</i>	
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn ngoài chương trình 30a và chương trình 135	1.409			1.409		750			2.159			2.159	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung</i>	
III.1	<i>Hỗ trợ Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế</i>	563			563					563			563	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý hoạt động</i>	
1	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	281			281					281			281	UBND xã Trần Thới	
2	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	282			282					282			282	UBND xã Phú Thuận	
III.2	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>	846			846		750			1.596			1.596	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
1	Xã Biển Bạch, huyện Thới Bình	282			282					282			282	UBND xã Biển Bạch	
2	Xã Tân Phú, huyện Thới Bình	0			0		250						250	UBND xã Tân Phú	xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới năm 2019
3	Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi	282			282					282			282	UBND xã Tân Trung	
4	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	282			282					282			282	UBND xã Lợi An	
5	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	0			0		250			250			250	UBND xã Trần Thới	xã dự kiến đạt các tiêu chí



STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh			Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT			Vốn SN	
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT				Vốn cấp bù 2017
6	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	0			0		250			250			250	UBND xã Phú Thuận	nông thôn mới năm 2019
IV	Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	554			554					554			554	Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý chung	
1	Truyền thông về giảm nghèo	214			214					214			214	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	
2	Giảm nghèo về thông tin	340			340					340			340	Sở Thông tin và Truyền thông	
V	Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	728			728					728			728	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	

Phụ biểu số 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
 DANH MỤC TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH CÀ MAU NĂM 2018 CHUYỂN SANG 2019
 (NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP)



(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 18 /9/2019 của UBND tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang 2019	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang 2019 sau khi điều chỉnh	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	905,7	250	250	905,7		
I	Dự án 1: Chương trình 30a	905,7		250	655,7		
	Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	905,7		250	655,7	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý	Không có đối tượng hỗ trợ tại 11 xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển và hải đảo
II	Dự án 2: Chương trình 135		250		250		
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn chương trình 135</i>		250		250		
	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>		250		250		
*	Thành phố Cà Mau		250		250		
-	Xã Hòa Thành		250		250	UBND xã Hòa Thành	Xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 10 năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Trung ương
thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cà Mau
năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ MƯỜI (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ mười về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Căn cứ Thông tư 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày.../9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày...tháng 9 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Mười (bất thường) đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cà Mau năm 2019 và năm 2018 chuyển sang năm 2019, như các phụ biểu số 01, 02, 03 kèm theo.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Mười (bất thường) thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiên

Phụ biểu số 01

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH CÀ MAU NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, kỳ họp thứ Mười - bất thường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (A + B)	131.100			131.100		
A	VỐN SỰ NGHIỆP	32.100	1.510,4	1.510,4	32.100		
I	Chi phí điều hành, hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM các cấp	1.540			1.540		
1	Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp tỉnh	300			300	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
2	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG TP. Cà Mau	100			100	UBND TP. Cà Mau	
3	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện U Minh	100			100	UBND huyện U Minh	
4	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Trần Văn Thời	120			120	UBND huyện Trần Văn Thời	
5	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Thới Bình (Quyết định số: 667/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 v/v chọn huyện Thới Bình là huyện điểm xây dựng nông thôn mới tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 v/v phê duyệt Đề án xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới)	150			150	UBND huyện Thới Bình	
6	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Cái Nước	100			100	UBND huyện Cái Nước	
7	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Đầm Dơi	120			120	UBND huyện Đầm Dơi	
8	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Phú Tân	100			100	UBND huyện Phú Tân	
9	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Ngọc Hiển	100			100	UBND huyện Ngọc Hiển	
10	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG huyện Năm Căn	100			100	UBND huyện Năm Căn	
11	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo các CTMTQG các xã tỉnh chọn chi đạo đạt chuẩn XDNTM năm 2019	250			250		
11.1	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	50			50	UBND xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	
11.2	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Tân Phú, huyện Thới Bình	50			50	UBND xã Tân Phú, huyện Thới Bình	
11.3	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Trần Thới, huyện Cái Nước	50			50	UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước	
11.4	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	50			50	UBND xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	

STT	Dan h mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
11.5	Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo XDNTM xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	50			50	UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	
II	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	200			200	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
III	Các hoạt động học tập trao đổi kinh nghiệm thực tế và phổ biến mô hình kế hoạch nâng cao chất lượng xã NTM, xã NTM kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn NTM ngoài tỉnh	100			100	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
IV	Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ XDNTM các cấp (theo Quyết định 4072/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/10/2016 của Bộ NN&PTNT); đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã (theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 3899/BNV-ĐT ngày 14/8/2018 của Bộ Nội vụ)	1.210	70	381,4	898,6		
1	Bồi dưỡng, tập huấn CTMTQG XDNTM (giai đoạn 2016-2020) cho Ban Chỉ đạo và cán bộ giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp do Trung ương tổ chức	100		70	30	VPĐP các CTMTQG tỉnh	Do trong năm chỉ tổ chức 01 cuộc tại tỉnh Cần Thơ cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và huyện dự
2	Bồi dưỡng, tập huấn CTMTQG XDNTM (giai đoạn 2016-2020) thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu cho cán bộ quản lý và điều hành cấp xã, các ban phát triển ấp và các đối tượng khác theo quy định	500	70		570	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
3	Hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2019 trong xây dựng nông thôn mới	610		311,4	298,6	Sở Nội vụ	Do cán bộ công chức xã tham gia lớp QLNN đã có trong chỉ tiêu 121 học viên của Trường Chính trị
V	Hoạt động truyền thông, thông tin, tuyên truyền CTMTQG XDNTM cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Theo Quyết định 3670/QĐ-BNN-VPĐP ngày 07/9/2016 của Bộ NN&PTNT)	1.200	129	129	1.200		
I	Xây dựng 10 cụm pa nô kích thước: 3m x 4m tuyên truyền trực quan về CTMTQG XDNTM tại 05 xã Kế hoạch năm 2019	350		85,2	264,8	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
2	Xây dựng 10 công chào 02 mặt tuyên truyền trực quan về CTMTQG XDNTM gắn với phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc khu vực nông thôn tại 05 xã tỉnh chọn chỉ đạo đạt chuẩn XDNTM năm 2019	600		43,8	556,2	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
3	Các loại tài liệu tuyên truyền về CTMTQG XDNTM giai đoạn 2016-2020	250			250	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
4	Tuyên truyền trực quan cho xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau (xã do thành phố Cà Mau chọn phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019)		129		129	VPĐP các CTMTQG tỉnh	xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019
VI	Truyền thông, tuyên truyền chương trình mỗi xã một sản phẩm (theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Kế hoạch Truyền thông, tuyên truyền Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau)	570			570	VPĐP các CTMTQG tỉnh	
1	Pa nô tuyên truyền tại trung tâm các huyện, TP. Cà Mau	270			270		

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
2	In ấn áp phích, tờ rơi tuyên truyền Chương trình OCOP	300			300		
VII	Hỗ trợ các hoạt động lồng ghép thông tin và tuyên truyền của các Sở, Ban, ngành về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	1.730			1.730		
1	Hỗ trợ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức các hoạt động và tuyên truyền liên hoan văn hóa, thể thao các xã nông thôn mới đến năm 2019	750			750		
1.1	Thông tin cổ động tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới cho các xã nông thôn mới và lồng ghép tuyên truyền OCOP	200			200	Trung Tâm Văn hóa Thông tin (Sở VH, TT & DL)	
1.2	Tổ chức các hoạt động thể thao các xã nông thôn mới	200			200	Trung tâm thi đấu và huấn luyện thể thao (Sở VH, TT & DL)	
1.3	Hỗ trợ bổ sung các loại sách cho kho luân chuyển Thư viện tỉnh phục vụ các xã NTM	150			150	Thư viện tỉnh (Sở VH, TT & DL)	
1.4	Khảo sát xây dựng mô hình và hỗ trợ cộng đồng "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới" (theo Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 11/01/2019 của Văn phòng Chính phủ)	200			200	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
2	Hỗ trợ Đài phát thanh và Truyền hình thực hiện chuyên mục "Đồng hành cùng nông thôn mới" thường kỳ trên sóng phát thanh	200			200	Đài Phát thanh-Truyền hình Cà Mau	
3	Hỗ trợ Đài phát thanh và Truyền hình thực hiện "Chuyên mục nông thôn mới" phát 2 kỳ/tháng	100			100	Đài Phát thanh-Truyền hình Cà Mau	
4	Hỗ trợ Báo Cà Mau xây dựng chuyên trang tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	70			70	Báo Cà Mau	
5	Hỗ trợ báo Đất Mũi xây dựng chuyên trang tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	50			50	Báo ảnh Đất Mũi	
6	Hỗ trợ Công thông tin điện tử - Văn phòng UBND tỉnh tuyên truyền về CTMTQG xây dựng nông thôn mới	30			30	Văn phòng UBND tỉnh	
7	Hỗ trợ tuyên truyền về CTMT quốc gia XDNTM trên trang thông tin nội bộ sinh hoạt chi bộ hàng tháng	30			30	Phòng Thông tin công tác Tuyên Giáo (Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy)	
8	Hỗ trợ công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững (theo Công văn số 3456/UBND-KT ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh)	100			100	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
9	Hỗ trợ công tác tuyên truyền và phát động phong trào "Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới" theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)	100			100	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	
10	Hỗ trợ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	300			300	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
VIII	Hỗ trợ cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện Đề án dạy nghề cho Lao động nông thôn năm 2019	12.200			12.200	Sở Lao động Thương Binh và Xã hội	
IX	Hỗ trợ phát triển sản xuất	2.000			2.000		
1	Mô hình hỗ trợ thiết bị và triển khai nhân rộng nuôi tôm sú quảng canh cải tiến 2 giai đoạn	2.000			2.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
X	Hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn các xã	10.350	311,4		10.661,4		

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thành phố Cà Mau	1.150	34,6		1.184,6	UBND các huyện, thành phố Cà Mau đề xuất, lựa chọn danh mục công trình, hiệp y với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện.	Phân bổ cho mỗi huyện, TP 34,6 triệu đồng.
2	Huyện U Minh	1.150	34,6		1.184,6		
3	Huyện Thới Bình	1.150	34,6		1.184,6		
4	Huyện Trần Văn Thời	1.150	34,6		1.184,6		
5	Huyện Đầm Dơi	1.150	34,6		1.184,6		
6	Huyện Cái Nước	1.150	34,6		1.184,6		
7	Huyện Phú Tân	1.150	34,6		1.184,6		
8	Huyện Năm Căn	1.150	34,6		1.184,6		
9	Huyện Ngọc Hiển	1.150	34,6		1.184,6		
XI	Hỗ trợ thực hiện mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 về phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong XDNTM tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017-2020)	1.000		1.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	Do không có doanh nghiệp tham gia theo quy định tại QĐ 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017
XII	Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh		1.000		1.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	99.000			99.000		
I	Hỗ trợ 05 xã tỉnh chọn chỉ đạo đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019	20.000			20.000		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Hòa Thành, TP. Cà Mau	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Hoà Thành	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Phú, huyện Thới Bình	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Phú	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Trần Thới, huyện Cái Nước	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Trần Thới	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Lợi An	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	4.000			4.000	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Thuận	
II	Hỗ trợ thực hiện Đề án xây dựng huyện Thới Bình đạt chuẩn huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 và Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)	10.000			10.000	UBND huyện Thới Bình phân khai danh mục công trình, hiệp y với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện	
III	Hỗ trợ 11 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	19.690			19.690		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Tiến, huyện U Minh	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Tiến	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hội, huyện U Minh	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Hội	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Tây	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Ân	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Viên An, huyện Ngọc Hiến	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Viên An	
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình Tây	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Đông	
9	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thuận	
10	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Huân	
11	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	1.790			1.790	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Việt Khái	
IV	Hỗ trợ 08 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 (theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ))	14.312			14.312		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM Xã Khánh Hưng	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Hòa, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Hòa	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Thuận, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Thuận	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Nguyễn Phích	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Khánh Lâm, huyện U Minh	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Lâm	
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Thanh Tùng	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Quách Phẩm Bắc	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	1.789			1.789	Ban Quản lý XDNTM xã Ngọc Chánh	
V	Hỗ trợ thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo	19.800			19.800		
1	Hỗ trợ theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo XDNTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020	14.240			14.240		
1.1	Hỗ trợ 12 ấp, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	3.100			3.100	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thuận	
1.2	Hỗ trợ 14 ấp, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiến	3.600			3.600	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Tây	
1.3	Hỗ trợ 18 ấp, xã Viên An, huyện Ngọc Hiến	4.600			4.600	Ban Quản lý XDNTM xã Viên An	
1.4	Hỗ trợ 5 ấp, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiến	1.300			1.300	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Ân	
1.5	Hỗ trợ 6 ấp, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.640			1.640	Ban Quản lý XDNTM xã Tam Giang Đông	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ (chỉ hỗ trợ những công trình tác động trực tiếp vào sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của hợp tác xã)	4.000			4.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phân khai, trình UBND tỉnh quyết định	
3	Dự án Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo thuộc Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 – 2020 (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4275/QĐ-BNN-VPĐP ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	1.560			1.560	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
VI	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn xã NTM đến năm 2018 để tiếp tục nâng cao tiêu chí và đạt chuẩn bền vững; các xã kế hoạch 2018 và xã Rạch Chèo dự kiến đạt chuẩn XDNTM 2019 (trừ xã Khánh Hòa, huyện U Minh đã được hỗ trợ theo đối tượng xã đặt biệt khó khăn tại mục IV)	15.198			15.198		
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Thành, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Thành	
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã An Xuyên, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã An Xuyên	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tác Vân, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tác Vân	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Lý Văn Lâm	
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Trí Phải, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Trí Lực	
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Trí Lực, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Trí Lực	
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Dân	
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tạ An Khương Nam	
9	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hàng Vịnh	
10	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hàng Rông, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hàng Rông	
11	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Hưng	
12	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hưng Mỹ	
13	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh An, huyện U Minh	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh An	
14	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Lộc	
15	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Khánh Bình	
16	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Trần Hợi	
17	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Hưng Tây	
18	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Phú Mỹ	
19	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Hải, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Hải	
20	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Việt Thắng	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh	Chủ chương trình, dự án	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8
21	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Biển Bạch Đông	
22	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc	
23	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tạ An Khương	
24	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Ân Tây	
25	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hiệp Tùng	
26	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hòa Mỹ	
27	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Định Bình, TP. Cà Mau	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Định Bình	
28	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản Xã Tân Bằng, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Bằng	
29	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc Đông	
30	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Tân Lộc Bắc	
31	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Hồ Thị Kỳ	
32	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Đất Mũi	
33	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Thạnh Phú	
34	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân	447			447	Ban Quản lý XDNTM xã Rạch Chèo	

Phụ biểu số 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH CÀ MAU NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	55.310	35.492	4.000	15.818	4.589	750	4.589	750	55.310	35.492	4.000	15.818		
I	Dự án 1: Chương trình 30a	23.982	13.343	4.000	6.639		750		750	23.982	13.343	4.000	6.639		
<i>I.1</i>	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</i>	<i>18.112</i>	<i>13.343</i>	<i>4.000</i>	<i>769</i>					<i>18.112</i>	<i>13.343</i>	<i>4.000</i>	<i>769</i>	<i>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
<i>I.1.1</i>	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng</i>	<i>17.343</i>	<i>13.343</i>	<i>4.000</i>						<i>17.343</i>	<i>13.343</i>	<i>4.000</i>		<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Khánh Tiến	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tân Thuận	
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Nguyễn Huân	
5	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Nguyễn Việt Khái	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	2.213	1.213	1.000						2.213	1.213	1.000		UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tân An	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	1.213	1.213							1.213	1.213			UBND xã Tam Giang Tây	
<i>I.1.2</i>	<i>Duy tu, bảo dưỡng</i>	<i>769</i>			<i>769</i>					<i>769</i>			<i>769</i>	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	69			69					69			69	UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	70			70					70			70	UBND xã Khánh Tiến	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	70			70					70			70	UBND xã Tân Thuận	
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	70			70					70			70	UBND xã Nguyễn Huân	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Xã Nguyễn Việt Khải, huyện Phú Tân	70			70					70			70	UBND xã Nguyễn Việt Khải	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	70			70					70			70	UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	70			70					70			70	UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	70			70					70			70	UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Tân Ân	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	70			70					70			70	UBND xã Tam Giang Tây	
1.2	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</i>	3.479			3.479					3.479			3.479	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung</i>	
1.2.1	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế</i>	2.783			2.783					2.783			2.783	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý</i>	
1	Xã Khánh Hội, huyện U Minh	253			253					253			253	UBND xã Khánh Hội	
2	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh	253			253					253			253	UBND xã Khánh Tiến	
3	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	253			253					253			253	UBND xã Tân Thuận	
4	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	253			253					253			253	UBND xã Nguyễn Huân	
5	Xã Nguyễn Việt Khải, huyện Phú Tân	253			253					253			253	UBND xã Nguyễn Việt Khải	
6	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	253			253					253			253	UBND xã Khánh Bình Tây	
7	Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	253			253					253			253	UBND xã Khánh Bình Tây Bắc	
8	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	253			253					253			253	UBND xã Tam Giang Đông	
9	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Tân Ân	
10	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Viên An	
11	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	253			253					253			253	UBND xã Tam Giang Tây	
1.2.2	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>	696			696					696			696	<i>Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Lao động Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
1	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	232			232					232			232	UBND xã Khánh Bình Tây	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019			Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT				Vốn SN
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	232			232					232			232	UBND xã Tam Giang Đông	
3	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	232			232					232			232	UBND xã Viên An	
1.3	<i>Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.</i>	1.486			1.486				750	736			736	<i>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	Không có đối tượng hỗ trợ tại 11 xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển và hải đảo
II	Dự án 2: Chương trình 135	29.542	22.149		7.393	4.589		4.589		29.542	22.149		7.393		
II.1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã, ấp đặc biệt khó khăn</i>	23.623	22.149		1.474	4.589		4.589		23.623	22.149		1.474	<i>Ban Dân tộc là cơ quan quản lý</i>	
II.1.1	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng</i>	22.149	22.149			4.589		4.589		22.149	22.149			<i>Hỗ trợ ngân sách huyện</i>	
*	Huyện Trần Văn Thời	3.700	3.700							3.700	3.700				
1	Xã Khánh Hưng	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Hưng	
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	180	180							180	180			UBND xã Lợi An	
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trơi B)	1.620	1.620							1.620	1.620			UBND xã Khánh Bình Đông	
	Trong đó: Ấp 6	720	720							720	720			Hỗ trợ XD tuyến đường GTNT Xóm Vườn (Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)	
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cơi 5A, Cơi 5B, Cơi Tư và Đá Bạc A)	720	720							720	720			UBND xã Khánh Bình Tây	
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	180	180							180	180			UBND xã Khánh Hải	
*	Huyện U Minh	4.900	4.900							4.900	4.900				
1	Xã Khánh Hòa	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Hòa	
2	Xã Khánh Lâm	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Lâm	
3	Xã Khánh Thuận	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Khánh Thuận	
4	Xã Nguyễn Phích	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Nguyễn Phích	
5	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	360	360							360	360			UBND xã Khánh Tiến	
6	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6 và 9)	540	540							540	540			UBND xã Khánh Hội	
*	Huyện Đầm Dơi	9.189	9.189			4.589		4.589		9.189	9.189				
1	Xã Ngọc Chánh	2.339	2.339			2.339		2.339		2.339	2.339			UBND xã Ngọc Chánh	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	- Xã Ngọc Chánh (Hỗ trợ XD tuyến đường GTTN Đồng Gò - Xóm Lá, ấp Tân Ngọc Đông và ấp Tân Ngọc - Công trình bức xúc vùng DTTS)	2.339	2.339					2.339		0	0				Do trùng với tuyến đề chống tràn phục vụ sản xuất (CV9751/UBND ngày 16/12/2018)
	- Đối ứng xây dựng cầu GNTN Lâm Trung Thiên					60				60	60				
	- Lộ GTNT tuyến Đồng Gò 3, ấp Tân Ngọc Đông (điểm đầu từ phần đất ông Nguyễn Văn Nhu)					723				723	723				
	- Lộ GTNT tuyến Đồng Gò 2, ấp Tân Ngọc Đông (điểm đầu từ phần đất ông Đỗ Văn Út)					397				397	397				Vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Lắm (đoạn 5), ấp Hiệp Hòa Tây (điểm đầu từ phần đất ông Đoàn Văn Tường)					327				327	327				
	- Lộ GTNT tuyến Ba Dày, ấp Hiệp Hòa (điểm đầu từ phần đất ông Trần Khánh Linh)					451				451	451				
	- Lộ GTNT tuyến Ba Dày, ấp Nam Chánh (điểm đầu từ phần đất ông Lê Việt Bắc)					381				381	381				
2	Xã Quách Phẩm Bắc	1.000	1.000							1.000	1.000			UBND xã Quách Phẩm Bắc	
3	Xã Thanh Tùng	2.250	2.250			2.250		2.250		2.250	2.250			UBND xã Thanh Tùng	
	- Xã Thanh Tùng (Hỗ trợ XD đường GTTN ấp Tân Điền B - Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)	2.250	2.250					2.250		0	0				Do nên hạ thực tế của tuyến đường không đảm bảo xây dựng lộ với quy mô rộng
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Mới (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Ý đến hộ Huỳnh Thanh Hòa), ấp Phú Hiệp A					552				552	552				
	- Lộ GTNT tuyến Cây Nở (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Thắng đến hộ Đoàn Văn Cường), ấp Thanh Tùng					546				546	546				Vùng có đông các hộ dân tộc thiểu số sinh sống
	- Lộ GTNT tuyến Kênh Lô Ba (đoạn từ hộ Nguyễn Văn Tư đến hộ Nguyễn Ngọc Sương), ấp Thanh Tùng					347				347	347				
	- Lộ GTNT tuyến Biện Gầm (đoạn từ hộ Ngô Văn Xóm đến cuối kênh), ấp Tân Điền B					805				805	805				
4	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	540	540							540	540			UBND xã Tạ An Khương Đông	
5	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đồng Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thanh và Thuận Lợi B)	720	720							720	720			UBND xã Tân Thuận	
6	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn ấp Thuận Long A)	180	180							180	180			UBND xã Tân Tiến	
7	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bào Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	540	540							540	540			UBND xã Trần Phán	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bá Huê, Đông Tâm A, Đông Tâm B và Tân Điền)	720	720							720	720			UBND xã Tân Duyệt	
9	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	360	360							360	360			UBND xã Quách Phẩm	
10	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	540	540							540	540			UBND xã Nguyễn Huân	
*	Huyện Ngọc Hiển	1.260	1.260							1.260	1.260				
11	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cái Mồi)	180	180							180	180			UBND xã Đất Mũi	
12	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biển, Xẻo Bè và Kinh Năm)	540	540							540	540			UBND xã Viên An	
13	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Điều và Dinh Hạn)	540	540							540	540			UBND xã Tân Ân	
*	Huyện Thới Bình	1.540	1.540							1.540	1.540				
14	Xã Biên Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	180	180							180	180			UBND xã Biên Bạch	
15	Xã Hồ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	180	180							180	180			UBND xã Hồ Thị Kỳ	
16	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	820	820							820	820			UBND xã Tân Lộc Bắc	
	Trong đó: Ấp 7	640	640							640	640			Hỗ trợ XD tuyến đường GTNT Cây Mướp (Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS)	
17	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Đầu Nai)	180	180							180	180			UBND xã Tân Phú	
18	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	180	180							180	180			UBND xã Thới Bình	
*	Huyện Năm Căn	180	180							180	180				
19	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bò Hủ)	180	180							180	180			UBND xã Tam Giang Đông	
*	Huyện Cái Nước	180	180							180	180				
20	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh)	180	180							180	180			UBND xã Đông Thới	
*	Huyện Phú Tân	1.200	1.200							1.200	1.200				
21	Xã Nguyễn Việt Khải (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đoi Nhỏ, Cái Đoi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Công)	1.200	1.200							1.200	1.200			UBND xã Việt Khải	
	Trong đó: Hỗ trợ XD hạng mục Sân trước Salatel ấp Gò Công	300	300							300	300			Công trình bức xúc vùng đồng bào DTTS	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II.1.2	Hỗ trợ duy tu bảo dưỡng	1.474			1.474					1.474			1.474	Hỗ trợ ngân sách huyện	
*	Huyện Trần Văn Thời	264			264					264			264		
1	Xã Khánh Hưng	72			72					72			72	UBND xã Khánh Hưng	
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	16			16					16			16	UBND xã Lợi An	
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trơi B)	96			96					96			96	UBND xã Khánh Bình Đông	
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cờ 5A, Cờ 5B, Cờ Tư và Đá Bạc A)	64			64					64			64	UBND xã Khánh Bình Tây	
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	16			16					16			16	UBND xã Khánh Hải	
*	Huyện U Minh	360			360					360			360		
1	Xã Khánh Hòa	70			70					70			70	UBND xã Khánh Hòa	
2	Xã Khánh Lâm	70			70					70			70	UBND xã Khánh Lâm	
3	Xã Khánh Thuận	70			70					70			70	UBND xã Khánh Thuận	
4	Xã Nguyễn Phích	70			70					70			70	UBND xã Nguyễn Phích	
5	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	32			32					32			32	UBND xã Khánh Tiến	
6	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6 và 9)	48			48					48			48	UBND xã Khánh Hội	
*	Huyện Đầm Dơi	530			530					530			530		
1	Xã Ngọc Chánh	70			70					70			70	UBND xã Ngọc Chánh	
2	Xã Quách Phẩm Bắc	70			70					70			70	UBND xã Quách Phẩm Bắc	
3	Xã Thanh Tùng	70			70					70			70	UBND xã Thanh Tùng	
4	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	48			48					48			48	UBND xã Tạ An Khương Đông	
5	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đông Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thành và Thuận Lợi B)	64			64					64			64	UBND xã Tân Thuận	
6	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn ấp Thuận Long A)	16			16					16			16	UBND xã Tân Tiến	
7	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Báo Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	48			48					48			48	UBND xã Trần Phán	
8	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bà Huê, Đồng Tâm A, Đồng Tâm B và Tân Điền)	64			64					64			64	UBND xã Tân Duyệt	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	32			32					32				32	UBND xã Quách Phẩm
10	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	48			48					48				48	UBND xã Nguyễn Huân
*	Huyện Ngọc Hiển	112			112					112				112	
11	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cái Mồi)	16			16					16				16	UBND xã Đất Mũi
12	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biền, Xẻo Bè và Kinh Năm)	48			48					48				48	UBND xã Viên An
13	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Diêu và Dinh Han)	48			48					48				48	UBND xã Tân Ân
*	Huyện Thới Bình	96			96					96				96	
14	Xã Biển Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	16			16					16				16	UBND xã Biển Bạch
15	Xã Hồ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	16			16					16				16	UBND xã Hồ Thị Kỳ
16	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	32			32					32				32	UBND xã Tân Lộc Bắc
17	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Đầu Nai)	16			16					16				16	UBND xã Tân Phú
18	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	16			16					16				16	UBND xã Thới Bình
*	Huyện Năm Căn	16			16					16				16	
19	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bò Hủ)	16			16					16				16	UBND xã Tam Giang Đông
*	Huyện Cái Nước	16			16					16				16	
20	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh)	16			16					16				16	UBND xã Đông Thới
*	Huyện Phú Tân	80			80					80				80	
21	Xã Nguyễn Việt Khái (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đồi Nhỏ, Cái Đồi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Cộng)	80			80					80				80	UBND xã Việt Khái
11.2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn chương trình 135</i>	<i>5.166</i>			<i>5.166</i>					<i>5.166</i>				<i>5.166</i>	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung</i>
11.2.1	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế</i>	<i>4.133</i>			<i>4.133</i>					<i>4.133</i>				<i>4.133</i>	<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý</i>
*	Huyện Trần Văn Thời	710			710					710				710	Hỗ trợ ngân sách huyện
1	Xã Khánh Hưng	230			230					230				230	UBND xã Khánh Hưng
2	Xã Lợi An (thực hiện tại địa bàn ấp Lung Thuộc)	40			40					40				40	UBND xã Lợi An

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Xã Khánh Bình Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: 2, 5, 6, 8, Rạch Nhum và Thăm Trơi B)	240			240					240			240	UBND xã Khánh Bình Đông	
4	Xã Khánh Bình Tây (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cơi 5A, Cơi 5B, Cơi Tư và Đá Bạc A)	160			160					160			160	UBND xã Khánh Bình Tây	
5	Xã Khánh Hải (thực hiện tại địa bàn ấp Bảy Ghe)	40			40					40			40	UBND xã Khánh Hải	
*	Huyện U Minh	1.133			1.133					1.133			1.133	Hỗ trợ ngân sách huyện	
6	Xã Khánh Hòa	230			230					230			230	UBND xã Khánh Hòa	
7	Xã Khánh Lâm	243			243					243			243	UBND xã Khánh Lâm	
8	Xã Khánh Thuận	230			230					230			230	UBND xã Khánh Thuận	
9	Xã Nguyễn Phích	230			230					230			230	UBND xã Nguyễn Phích	
10	Xã Khánh Tiến (thực hiện tại địa bàn các ấp: 5 và 11)	80			80					80			80	UBND xã Khánh Tiến	
11	Xã Khánh Hội (thực hiện tại địa bàn các ấp: 1, 6, và 9)	120			120					120			120	UBND xã Khánh Hội	
*	Huyện Đầm Dơi	1.490			1.490					1.490			1.490	Hỗ trợ ngân sách huyện	
12	Xã Ngọc Chánh	230			230					230			230	UBND xã Ngọc Chánh	
13	Xã Quách Phẩm Bắc	230			230					230			230	UBND xã Quách Phẩm Bắc	
14	Xã Thanh Tùng	230			230					230			230	UBND xã Thanh Tùng	
15	Xã Tạ An Khương Đông (thực hiện tại địa bàn các ấp: Tân An A, Tân Phong A và Tân Phong B)	120			120					120			120	UBND xã Tạ An Khương Đông	
16	Xã Tân Thuận (thực hiện tại địa bàn các ấp: Đồng Giác, Hòa Hải, Lưu Hoa Thanh và Thuận Lợi B)	160			160					160			160	UBND xã Tân Thuận	
17	Xã Tân Tiến (thực hiện tại địa bàn ấp Thuận Long A)	40			40					40			40	UBND xã Tân Tiến	
18	Xã Trần Phán (thực hiện tại địa bàn các ấp: Báo Giá, Tân Hòa và Ngã Bát)	120			120					120			120	UBND xã Trần Phán	
19	Xã Tân Duyệt (thực hiện tại địa bàn các ấp: Bà Huệ, Đồng Tâm A, Đồng Tâm B và Tân Điền)	160			160					160			160	UBND xã Tân Duyệt	
20	Xã Quách Phẩm (thực hiện tại địa bàn các ấp: Khoai Hoang và Xóm Lớn)	80			80					80			80	UBND xã Quách Phẩm	
21	Xã Nguyễn Huân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Hiệp Dư, Mai Hoa và Hồng Phước)	120			120					120			120	UBND xã Nguyễn Huân	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
*	Huyện Ngọc Hiển	280			280					280			280	Hỗ trợ ngân sách huyện	
22	Xã Đất Mũi (thực hiện tại địa bàn ấp Cái Mồi)	40			40					40			40	UBND xã Đất Mũi	
23	Xã Viên An (thực hiện tại địa bàn các ấp: Xóm Biển, Xẻo Bè và Kinh Năm)	120			120					120			120	UBND xã Viên An	
24	Xã Tân Ân (thực hiện tại địa bàn các ấp: Ô Rô, Nhà Diêu và Đình Hạn)	120			120					120			120	UBND xã Tân Ân	
*	Huyện Thới Bình	240			240					240			240	Hỗ trợ ngân sách huyện	
25	Xã Biển Bạch (thực hiện tại địa bàn ấp Thanh Tùng)	40			40					40			40	UBND xã Biển Bạch	
26	Xã Hộ Thị Kỳ (thực hiện tại địa bàn ấp Cây Khô)	40			40					40			40	UBND xã Hộ Thị Kỳ	
27	Xã Tân Lộc Bắc (thực hiện tại địa bàn các ấp: 4 và 7)	80			80					80			80	UBND xã Tân Lộc Bắc	
28	Xã Tân Phú (thực hiện tại địa bàn ấp Đầu Nai)	40			40					40			40	UBND xã Tân Phú	
29	Xã Thới Bình (thực hiện tại địa bàn ấp 11)	40			40					40			40	UBND xã Thới Bình	
*	Huyện Năm Căn	40			40					40			40	Hỗ trợ ngân sách huyện	
30	Xã Tam Giang Đông (thực hiện tại địa bàn ấp Bò Hủ)	40			40					40			40	UBND xã Tam Giang Đông	
*	Huyện Cái Nước	40			40					40			40	Hỗ trợ ngân sách huyện	
31	Xã Đông Thới (thực hiện tại địa bàn ấp Khánh)	40			40					40			40	UBND xã Đông Thới	
*	Huyện Phú Tân	200			200					200			200	Hỗ trợ ngân sách huyện	
32	Xã Nguyễn Việt Khái (thực hiện tại địa bàn các ấp: Cái Đồi Nhỏ, Cái Đồi Nhỏ A, Gò Công Đông, Xẻo Sâu và Gò Công)	200			200					200			200	UBND xã Nguyễn Việt Khái	
11.2.2	<i>Nhận rộng mô hình giảm nghèo</i>	<i>1.033</i>			<i>1.033</i>					<i>1.033</i>			<i>1.033</i>	<i>Sơ Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý</i>	
*	Huyện U Minh	517			517					517			517	Hỗ trợ ngân sách huyện	
1	Xã Khánh Thuận	258			258					258			258	UBND xã Khánh Thuận	
2	Xã Khánh Lâm (tiếp tục hỗ trợ do tỷ lệ hộ nghèo còn cao)	259			259					259			259	UBND xã Khánh Lâm	
*	Huyện Đầm Dơi	516			516					516			516	Hỗ trợ ngân sách huyện	
1	Xã Thanh Tùng (tiếp tục hỗ trợ do tỷ lệ hộ nghèo còn cao)	258			258					258			258	UBND xã Thanh Tùng	
2	Xã Quách Phẩm Bắc	258			258					258			258	UBND xã Quách Phẩm Bắc	
11.3	<i>Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở</i>	<i>753</i>			<i>753</i>					<i>753</i>			<i>753</i>	<i>Ban Dân tộc</i>	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2019				Điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2019				Kế hoạch vốn năm 2019 sau khi điều chỉnh				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN	Tăng (+)		Giảm (-)		Tổng cộng	Trong đó: ĐTPT		Vốn SN		
			Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		Vốn ĐTPT	Vốn cấp bù 2017			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn ngoài chương trình 30a và chương trình 135	1.409			1.409		750			2.159			2.159	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý chung	
III.1	Hỗ trợ Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	563			563					563			563	Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý hoạt động	
1	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	281			281					281			281	UBND xã Trần Thới	
2	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	282			282					282			282	UBND xã Phú Thuận	
III.2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	846			846		750			1.596			1.596	Hỗ trợ ngân sách huyện - Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý	
1	Xã Biển Bạch, huyện Thới Bình	282			282					282			282	UBND xã Biển Bạch	
2	Xã Tân Phú, huyện Thới Bình	0			0		250						250	UBND xã Tân Phú	xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới năm 2019
3	Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi	282			282					282			282	UBND xã Tân Trung	
4	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	282			282					282			282	UBND xã Lợi An	
5	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước	0			0		250			250			250	UBND xã Trần Thới	xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới năm 2019
6	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	0			0		250			250			250	UBND xã Phú Thuận	
IV	Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	554			554					554			554	Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý chung	
1	Truyền thông về giảm nghèo	214			214					214			214	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	
2	Giảm nghèo về thông tin	340			340					340			340	Sở Thông tin và Truyền thông	
V	Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	728			728					728			728	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	

Phụ biểu số 03

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH CÀ MAU NĂM 2018 CHUYỂN SANG 2019
(NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP)**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang 2019	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang 2019 sau khi điều chỉnh	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)			
I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	905,7	250	250	905,7		
I	Dự án 1: Chương trình 30a	905,7		250	655,7		
	Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	905,7		250	655,7	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý	Không có đối tượng hỗ trợ tại 11 xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển và hải đảo
II	Dự án 2: Chương trình 135		250		250		
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn chương trình 135</i>		250		250		
	<i>Nhân rộng mô hình giảm nghèo</i>		250		250		
*	Thành phố Cà Mau		250		250		
-	Xã Hòa Thành		250		250	UBND xã Hòa Thành	Xã dự kiến đạt các tiêu chí nông thôn mới